

Số: 24/QĐ-CTK

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2024 của Cơ quan Cục Thống kê Hà Tĩnh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán, phòng Tổ chức Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Cơ quan Cục Thống kê Hà Tĩnh (theo các biểu đính kèm)

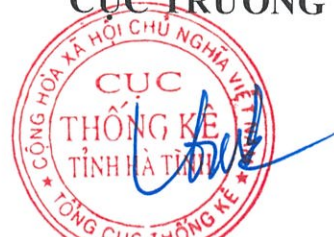
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Cục, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Kế toán Cục Thống kê Hà Tĩnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử CTK;
- Lưu: VT, KT.

CỤC TRƯỞNG



Trần Thanh Bình

Số TT	Nội dung	Tổng số hiệu báo cáo quyết toán	Tổng số hiệu quyết toán được duyệt	Chiến lược	Cơ quan Cục TK	Chi cục Thống kê TP Hà Tĩnh	Chi cục Thống kê thị xã Hồng Lĩnh	Chi cục Thống kê huyện Hương Sơn	Chi cục Thống kê huyện Đức Thọ	Chi cục Thống kê huyện Vũ Quang	Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân	Chi cục Thống kê huyện Can Lộc	Chi cục Thống kê Huyện Hương Khê	Chi cục Thống kê huyện Thạch Hà	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Xuyên	Chi cục Thống kê huyện Kỳ Anh	Chi cục Thống kê huyện Lộc Hà	Chi cục Thống kê thị xã Kỳ Anh
1.2	Dự án B																	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ																	
2.1	Dự án A																	
2.2	Dự án B																	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề																	
3.1	Dự án A																	
3.2	Dự án B																	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																	
4.1	Dự án A																	
4.2	Dự án B																	
5	Chi bảo đảm xã hội																	
5.1	Dự án A																	
2.2	Dự án B																	
6	Chi hoạt động kinh tế																	
6.1	Dự án A																	
6.2	Dự án B																	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường																	
7.1	Dự án A																	
7.2	Dự án B																	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin																	
8.1	Dự án A																	
8.2	Dự án B																	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin																	
9.1	Dự án A																	
9.2	Dự án B																	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao																	
10.1	Dự án A																	
10.2	Dự án B																	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài																	
I	Chi quản lý hành chính																	
1.1	Dự án A																	
1.2	Dự án B																	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ																	
2.1	Dự án A																	
2.2	Dự án B																	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề																	
3.1	Dự án A																	
3.2	Dự án B																	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																	
4.1	Dự án A																	
4.2	Dự án B																	
5	Chi bảo đảm xã hội																	
5.1	Dự án A																	
2.2	Dự án B																	
6	Chi hoạt động kinh tế																	
6.1	Dự án A																	
6.2	Dự án B																	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Cơ quan Cục TK	Chi cục Thống kê TP Hà Tĩnh	Chi cục Thống kê thị xã Hồng Lĩnh	Chi cục Thống kê huyện Hương Sơn	Chi cục Thống kê huyện Đức Thọ	Chi cục Thống kê huyện Vũ Quang	Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân	Chi cục Thống kê huyện Can Lộc	Chi cục Thống kê Huyện Hương Khê	Chi cục Thống kê huyện Thạch Hà	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Xuyên	Chi cục Thống kê huyện Kỳ Anh	Chi cục Thống kê huyện Lộc Hà	Chi cục Thống kê thị xã Kỳ Anh
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường																	
7.1	Dự án A																	
7.2	Dự án B																	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin																	
8.1	Dự án A																	
8.2	Dự án B																	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin																	
9.1	Dự án A																	
9.2	Dự án B																	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao																	
10.1	Dự án A																	
10.2	Dự án B																	

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính

Đơn vị: Cơ quan Cục Thống kê Hà Tĩnh

Chương: 013

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-CTK ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Cục Thống kê Hà Tĩnh)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.723,47	9.723,47	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.723,47	9.723,47	0
1	Chi quản lý hành chính	9.689,47	9.689,47	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.233,07	7.233,07	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.456,40	2.456,40	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	34	34	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34	34	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			



